

KỶ NIỆM 147 NĂM NGÀY SINH E.HUXÉC (08/4/1859 - 08/4/2006)

PHƯƠNG PHÁP HIỆN TƯỢNG HỌC CỦA E.HUXÉC

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA (*)

Phương pháp hiện tượng học của Huxéc có vai trò to lớn và là đóng góp quan trọng của ông trong việc xây dựng, phát triển hiện tượng học. Huxéc gọi phương pháp đó là époquee (ngưng hãm) và réduction (giản lược). Bản thể - eidos, chỉ đạt đến bằng époquee. Trong khuôn khổ đó, hiện tượng học đi đến giản lược một vài yếu tố của dữ kiện và không bận tâm đến chúng nữa. Phương pháp hiện tượng học nhằm vào cái trình diện với ý thức, nghĩa là đối tượng của nó. Với phương pháp này, Huxéc đã mang lại thêm một cách nhìn về thế giới; chủ đích của hiện tượng học là đạt tới cái thế giới đã thực sự được ý thức của ta nhắm vào khi trải nghiệm và bản chất mà nó đạt đến là bản chất cụ thể. Tuy nhiên, phương pháp hiện tượng học của Huxéc cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định khi tìm cách phân tách "ý thức thuần túy" khỏi tồn tại khách quan và ý thức của chủ thể, hoặc tiêu chuẩn của chân lý lại phụ thuộc vào ý nghĩa mà chủ thể ban bố cho khách thể.



ột phong trào triết học khi vừa xuất hiện đã vượt qua triết học cổ điển phương Tây thế kỷ XIX, đem lại sự đoạn tuyệt với phương pháp triết học trước và mở ra sự phát triển của triết học hiện đại thế kỷ XX - đó là hiện tượng học. Theo nghĩa hẹp, danh từ này chỉ phương pháp và học thuyết của E.Huxéc (1859 - 1938). Phương pháp hiện tượng học của Huxéc là phần đóng góp lớn và có một vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển hiện tượng học. Nếu không có nó, những tư tưởng của phong trào này không thể sinh thành và hoàn thiện được.

* *
*

Có thể nói, nhờ phương pháp hiện tượng học, người ta mới xây dựng và phát triển hiện tượng học được. Theo Huxéc, chúng ta thường quá quen với thái độ duy nhiên, nên chỉ nhìn thấy thế giới tự nhiên, thế giới của tuyệt đối, của muôn đời, muôn người; nhưng với thái độ hiện tượng học, thế giới sẽ mang lại cho ta biết bao bất ngờ, uẩn khúc mà ta chưa thấu hiểu. Ông cho rằng, nếu đứng trong thái độ duy nhiên, ta

chỉ xác định được thế giới tự nhiên là có thể nhìn thấy; rằng, lâu nay, người ta chưa vươn tới khả năng của thái độ hiện tượng học và chưa xây dựng được phương pháp để nắm được sự vật theo cách nguyên thủy, do vậy, thế giới hiện tượng học vẫn lưu giữ một ẩn số, không thể ngờ tới(1).

Lý do để Huxéc đề xuất phương pháp hiện tượng học còn là ở chỗ, ông nhằm vào việc thiết lập một nền tảng triết để, thoát khỏi mọi tiền đề giả định mà tất cả các khoa học, nhất là triết học dựng lên trên đó. Hơn nữa, theo Huxéc, lý luận nhận thức đương thời bộc lộ nhiều nhược điểm, trước hết là sự đồng nhất lý luận nhận thức với tâm lý học, khó lòng đạt tới chân lý. Thái độ của chủ nghĩa tâm lý tất yếu dẫn đến chủ nghĩa hoài nghi khi lý giải về tư duy. Với phương pháp hiện tượng học, quy phạm tiên quyết và căn bản là đạt đến những "dữ kiện" mà chúng ta "thấy" trong ý thức. "Dữ kiện" này còn được gọi là "hiện

(*) Thạc sĩ triết học, Trường Cao đẳng Sư phạm Bình Dương.

(1) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 33, p. 108.

tượng” với nghĩa nó xuất hiện (pháinetai) cho ý thức của chúng ta(2).

Để đem lại một nội dung mới cho triết học trong lĩnh vực tư duy, cũng như đi đến thế giới hiện tượng học, Huxéc cho rằng, cần hướng đến một phương pháp nhận thức đặc thù - phương pháp hiện tượng học mà ông thường gọi là époqueè và réduction.

Thuật ngữ époqueè, tiếng Đức gọi là Epochè, được nhiều học giả nước ta chuyển dịch sang tiếng Việt với các tên gọi khác nhau, như “ngưng phê phán”, “phán đoán giữa chừng”, “ngưng hãm”, “hoãn xét”... Époqueè là từ mà Huxéc mượn ở thuyết hoài nghi (scepticism) thời Hy Lạp cổ đại, nó bắt nguồn từ chữ εποχη. Nghĩa khởi thủy của từ này là đánh dấu điều hoài nghi bằng cách dùng ký hiệu nào đó. Đến Huxéc, époqueè được dùng theo một ý nghĩa rất riêng để biểu thị thái độ tạm thời chưa tỏ rõ về vấn đề tồn tại, chú ý đến nhận thức trực giác, cùng với việc thải loại sự phản tỉnh một cách gián tiếp hoặc gián định.

Huxéc phát triển phương pháp époqueè từ năm 1906. Nó được quan tâm tới như là sự căn bản hóa của phương pháp luận và được tìm thấy trong quá trình khảo sát cơ sở lôgic. Trong *Những ý tưởng về một hiện tượng học thuần túy* (1913) và một số tác phẩm khác, Huxéc đã xây dựng hai “phiên bản” khác nhau của époqueè là *époqueè phổ biến* và *époqueè cục bộ*. Ở tác phẩm này, ông khẳng định rằng, époqueè là phương pháp phổ quát và triệt để, bởi phương pháp này giúp tôi nắm được tôi như là cái Tôi thuần túy, với đời sống ý thức thuần túy mà nhờ đó, toàn bộ thế giới hiện hữu cho tôi; rằng, mọi điều thuộc thế giới, mọi tồn tại không gian và thời gian hiện hữu cho tôi, nghĩa là, giá trị cho tôi, chính vì thế mà tôi kinh nghiệm, nhận biết, ghi nhớ và có tư duy về mặt nào đấy của thế giới, mở ra sự vươn lên từ những đánh giá về hiện hữu hay là giá trị(3).

Époqueè không phải là sự hồ nghi, chối bỏ khoa học và triết lý trở lại từ con số không theo kiểu Đêcátơ đi tìm một chân lý hiển nhiên là cái Tôi tư duy. Huxéc thường dùng khái niệm “bỏ vào ngoặc” để biểu thị đặc trưng của époqueè là “tạm gác” vấn đề lại để có thể nhìn thẳng vào hiện tượng thuần túy. Tạm gác - ngưng hãm trong khuôn khổ giải phóng cách nhìn của tôi nhằm lĩnh hội cái cốt yếu, nền tảng, triệt để. Do đó, khi diễn tả về époqueè, Huxéc thường coi đó là “sự phổ quát đặt ngoài giá trị”, “sự ức chế”, “đặt ngoài cuộc chơi” của mọi thái độ mà chúng ta có thể “dùng đối diện thế giới khách quan”- và trước tiên là thái độ có liên quan đến sự hiện hữu hiện tượng bề ngoài, “sự hiện hữu khả năng, giả thuyết, có thể và cái khác, hay còn nữa”(4). Nói một cách cụ thể, époqueè là sự gác lại điều mà nó thải loại(5).

Vậy, phương pháp époqueè gác lại điều gì? Trong một công trình nghiên cứu về hiện tượng học được công bố năm 1951, Giáo sư Trần Đức Thảo cho rằng, gác lại quan điểm chung về sự hiện hữu, không tin ở thế giới này nữa trong khi vẫn sống giữa thế giới... không phải ở chỗ nghi ngờ sự vật như thế này hay như thế khác, chính vì mọi hành vi nghi ngờ riêng biệt đều được thực hiện trong phạm vi chung của thế giới được xem là hiện hữu bấy lâu nay. Cũng không phải là một sự nghi ngờ phổ biến như Đêcátơ đòi hỏi phải giả định không tồn tại thế giới hay phủ định một cách nguy hiểm sự hiện hữu của hiện thực... Đừng đứng ở bất kỳ quan điểm nào, hoặc bằng lòng với việc tự chọn một thái độ...

(2) Xem: Lê Tôn Nghiêm. *Những vấn đề triết học hiện đại*. Nxb Ra khơi, Sài Gòn, 1971, tr. 119.

(3) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 2, p. 18.

(4) Edmund Husserl. *Méditation cartésiennes*, L. P. J.Vrin, Paris, 1953, p. 17.

(5) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 44, p. 142.

bởi thế giới luôn ở đây(6) và chúng ta vẫn tiếp tục sống trong thế giới tự nhiên ấy.

Huxéc đã phân tích rõ hơn những đặc trưng của époqueè. Theo ông, chúng ta chẳng thay đổi gì hết đối với lòng tin của chúng ta; lòng tin đó, trong tự thân nó, vẫn là cái như nó vốn có. Nhưng luận đề lại có một sự thay đổi: trong khi lòng tin tự thân nó vẫn là cái như nó vốn có, chúng ta lại đặt nó “ngoài cuộc chơi”, “ngoài chu vi”, “trong dấu ngoặc”. Nó vẫn còn ở đây, như là từng ở đây - trong cái dấu ngoặc mà chúng ta giam hãm nó... Luận đề, có thể nói rằng, vẫn là cái đã kinh nghiệm, nhưng chúng ta làm cho nó “không dùng vào việc gì”... Sự chuyển đổi giá trị này là việc làm hoàn toàn tự do của chúng ta(7).

Chính vì những đặc trưng đó mà époqueè có vai trò chủ yếu trong việc tìm ra đầu mối đáng tin cậy, nó đặt tất cả tri thức gián tiếp sang một bên và những gì còn lại sẽ có thể là tri thức trực tiếp. Époqueè còn dùng để ngăn ngừa sự chuyển dịch luận đề, luận chứng luẩn quẩn hay sử dụng lại những tri thức gián tiếp trong quá trình phản tỉnh. Trong quá trình suy nghĩ, xem xét vấn đề, chúng ta thường tìm đến quan điểm hay cách nhìn là tất nhiên để làm căn cứ. Cũng có khi ta vô tình viện dẫn cái tất nhiên đó để làm cơ sở cho một cách nhìn, một quan điểm nào đó(8).

Theo luận giải của Huxéc, nhờ époqueè tôi đặt lên cho thế giới, mà ý thức trở thành ý thức thuần túy; ý thức này không đối diện với hư vô, mà đối diện với đời sống thuần túy của tôi, cùng với mọi tâm trạng của cái đã sống thuần túy, với mọi đối tượng ý hướng tính của nó, nghĩa là, toàn thể hiện tượng theo nghĩa đặc biệt và mở rộng của hiện tượng học(9).

Sau khi thực hiện “ngưng hãm”, “hoãn xét”, cái còn lại mà chúng ta và thế giới được thải loại là gì? Theo Huxéc, trong ý thức của chúng ta có cái Tôi và nó tồn tại bên trong ý thức. Cái bên trong ý thức và cái Tôi không tách rời nhau. Lĩnh vực bên

trong này của ý thức còn lưu lại cái mà không trùng hợp với hiện hữu hoặc phi hiện hữu về thế giới. Cái bên trong này là phần dư sau khi “ngưng hãm”. Nó được Huxéc xem như chất “dư thừa hiện tượng học” và lập thành một vùng hữu thể nguyên thủy, có thể trở thành phạm vi ứng dụng của khoa học mới là hiện tượng học. Chỉ khi đó, époqueè mới làm tròn vai trò phương pháp hiện tượng học của nó.

Bản thể - eidos, một lĩnh vực rất riêng của triết học hiện tượng học, là cái mà chỉ đạt được bằng époqueè. Trong khuôn khổ thực hiện époqueè, hiện tượng học tất yếu đi đến “bỏ vào ngoặc” một vài yếu tố của dữ kiện và không bận tâm đến chúng nữa. Cách này được Huxéc gọi là giản lược.

Những nhà hiện tượng học Pháp gọi giản lược là réduction (tiếng Đức là reduktion). Theo nguyên nghĩa tiếng latin, reducere được hiểu là “dẫn về, đưa về lại” (có người dịch là “quy hồi”, “hoàn nguyên”). Gọi là reduktion vì việc ấy dẫn chúng ta trở về nguồn gốc của ý nghĩa và sự hiện hữu của thế giới hiện tượng.

Lý luận về sự giản lược lần đầu tiên được Huxéc giảng dạy vào năm 1907, trong năm bài học của giáo trình *Những điểm cơ bản của hiện tượng học và sự phê phán lý tính*. Ở đó, người ta thấy có sự phỏng theo học thuyết của Đêcátơ. Lý luận này được Huxéc trình bày khá tỉ mỉ và hệ thống trong tác phẩm *Những ý tưởng về một hiện tượng học thuần túy* và một số tác phẩm khác, như *Những suy niệm Đêcátơ* (1929), *Khủng hoảng của những khoa học châu Âu* (1936).

(6) Xem: Trần Đức Thảo. *Phénoménologie et matérialisme dialectique*, Editions Minh Tân, Paris, 1951, p. 66.

(7) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 31, pp. 98-99.

(8) Xem: Lưu Phóng Đông. *Giáo trình hướng tới thế kỷ 21, Triết học phương Tây hiện đại*. Nxb Lý luận chính trị, 2004, tr. 487.

(9) Xem: Edmund Husserl. *Méditation cartésiennes*, L. P. J.Vrin, Paris, 1953, pp. 17-18.

Giản lược, theo nghĩa hiện tượng học, là đặt ngoài, là gạt đi, nhằm bóc gỡ ý thức ra khỏi những bám víu của mọi yếu tố tự nhiên để nó chỉ còn lại là cái nhìn thuần túy - ý thức trở thành ý thức siêu nghiệm. Huxéc thường nói đến 3 kiểu giản lược:

Giản lược triết học (có ý kiến gọi là giản lược lịch sử) yêu cầu đặt ngoài mọi học thuyết của tiền nhân, là “làm bàn trắng”, vì nhà hiện tượng học không bận tâm đến những quan điểm của người khác, mà nắm lấy ngay bản thân sự vật. Đêcátơ cũng đặt ra một yêu cầu như vậy. Trong tư duy, đây là bước tiến đầu tiên nhằm tránh những đường mòn, đặt lại mọi vấn đề. Ở đây, tư tưởng của Huxéc có sự liên hệ và chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hoài nghi của Đêcátơ. Giản lược này đi đến hành động đặt ngoài phạm vi quan điểm tất nhiên, thế giới tự nhiên, các khoa học về tự nhiên và là sự chuyển hướng về phía lĩnh vực hiện tượng học.

Giản lược bản chất (có ý kiến gọi là giản lược hình thái học) đặt trong ngoặc hữu thể của tự nhiên. Theo Huxéc, để tìm lại kinh nghiệm sống của mình, chúng ta phải đặt thế giới hiện hữu vào trong ngoặc để chỉ nhắm đến nó như một hiện tượng. Khi đó, mỗi đối tượng hay thế giới hiện hữu nói chung chỉ là một eidos (cái mà tôi ý thức). Cũng có lúc ông thay thế eidos bằng từ latinh khác, như cogitata, cogitatum. Với Huxéc, đây là một sự mô tả có tính trừu tượng hóa, ý tưởng hóa; một sự mô tả trong đó phải làm sáng tỏ cái bản chất. Giản lược bản chất đưa đến một hiển nhiên: Cogito, ergo cogito cogitatum. Theo đó, khi tôi tư duy, chú ý đến một cái gì đấy thì thế giới tự nhiên bị tạm thải loại ra ngoài phạm vi của ý thức. Như vậy, giản lược bản chất đưa ta đến sự gặp gỡ giữa ý thức và đối tượng. Đối tượng lúc này không phải là sự vật, hiện tượng của giới tự nhiên, nó là cái mà tôi đang ý thức.

Giản lược hiện tượng học mới thực sự là phương pháp đặc thù của hiện tượng học,

vén màn cho ta đi đến với thế giới hiện tượng học. Giản lược này làm cho thế giới hiện ra đúng như nó đã xuất hiện trong kinh nghiệm sống của ta, cho thấy thế giới đã xuất hiện dưới ý thức như thế nào trong mỗi cái nhìn của ta. Giản lược hiện tượng học làm mất thế giới tự nhiên và mất cả những cái tôi ý thức để đặt ra một thực tại duy nhất của ý thức thuần túy: ý thức và đối tượng gắn chặt với nhau thành một đối tượng duy nhất và có tính lưỡng diện - đứng về phía chủ thể thì gọi là noèse, đứng về phía đối tượng thì gọi là noème. Không thể có noèse khi không có noème và ngược lại, không có noème khi không có noèse gắn với nó, tạo thành sự tương thể (corrélat) của noèse và noème.

Hoàn thành giản lược hiện tượng học, ta không còn đối diện với thế giới tự nhiên nữa, mà đối diện với thế giới hiện tượng; tìm lại “bản chất cụ thể” của sự vật mà ta đã nghiệm sinh (vécu). Giản lược thứ ba này được Huxéc phát triển vào giai đoạn sau với tên gọi là *giản lược siêu nghiệm*.

Nhiều lần Huxéc cho rằng, tri giác của con người bao giờ cũng có những hạn chế, không thể linh hội được toàn diện sự vật; không thể nhìn sự vật từ mọi chiều cùng một lúc, mà chỉ từng chiều và do vậy, bản tính của sự vật là vô hạn. Phương pháp hiện tượng học không phải là phương pháp diễn dịch hay duy nhiên, mà nhằm nói lên những dữ kiện với tư cách là “hiện tượng” xuất hiện trong ý thức của chúng ta. Nó không giải nghĩa bằng cách dựa vào các quy tắc, cũng không diễn dịch từ bất cứ nguyên tắc nào đối với những gì được đưa ra và mình giải dữ kiện này; nó nhằm vào cái trình diện với ý thức, nghĩa là đối tượng của nó.

Khác với khoa học về các sự kiện dựa trên kinh nghiệm của cảm giác, phương pháp hiện tượng học được coi là khoa học về bản chất hay bản thể (eidétique). Giống như những khoa học bản thể khác, chẳng hạn như toán học, hiện tượng học không

nhìn đến những sự kiện ngẫu nhiên, mà nhìn đến những cơ cấu chính yếu, nó thuần túy mô tả - mô tả bản chất. Giản lược có bước đi tăng dần, tiến từ lớp này sang lớp khác, sâu hơn nhờ vào trực giác bản chất. Như vậy, hiện tượng học thực hiện theo ý tưởng triết học như là khoa học về một nền tảng triết để. Nó có một sự phản tỉnh tận căn về cái tự nó (soi-même), sự phản tỉnh trong hình thức giản lược hiện tượng học, trong sự giải thích về cái Tôi siêu nghiệm, trong sự mô tả, trong một trực giác bản chất.

Khi trình bày về vấn đề thái độ tự nhiên và sự giản lược hiện tượng học, trong chương II của *Những ý tưởng về một hiện tượng học thuần túy*, Huxéc đã khẳng định: thái độ tự nhiên chứa đựng một luận đề hay quan điểm ẩn ngầm để từ đó tôi tìm thấy ở đây thế giới và chấp nhận như là sự hiện hữu. Những sự vật vật chất đơn giản ấy cho tôi với một sự bố trí không gian bất kỳ; chúng "tồn tại" với nghĩa đen hoặc bóng, mà tôi thừa nhận chúng hay không chú ý đến đặc trưng của chúng(10)... Theo ông, những thực thể linh hoạt, những người nào đó là ở đây, cho tôi, với lý do trực tiếp... Với tôi, những đối tượng thực tại là ở đây, chúng đưa đến một sự xác định ít nhiều đã biết, làm thành phần chính cùng với những đối tượng đã được nhận thức thực sự; do vậy, không tồn tại chính những cái được nhận thức, cũng không giống như những tồn tại theo cách trực giác... Toàn bộ những đối tượng này cùng tồn tại trực giác và luôn được phủ lên lĩnh vực hiện tại của tri giác, xét cho cùng, không giống như thế giới mà nó cho tôi... Thế giới... có phạm vi thuộc về thời gian vô tận trong những ý nghĩa song trùng, quá khứ và tương lai của nó, cái đã biết và cái chưa biết... Cuối cùng, thế giới này không phải là một sự giản đơn; mà là thế giới của đồ vật, thế giới của những giá trị, thế giới của hạnh phúc, thế giới của kinh nghiệm(11). Nhưng, thế giới này đồng thời là một môi trường lý tưởng: nếu tôi đắm mình vào cái hiện tại

của toán học thì thế giới toán học này là "ở đây" cho tôi, khác với thực tại tự nhiên về điều mà nó cho tôi, trong chừng mực tôi giữ lấy thái độ của nhà toán học, trong khi thực tại tự nhiên luôn luôn ở đây.

Huxéc lưu ý rằng, trong thái độ tự nhiên có điều mà "tôi khám phá (hiện thực) như là cái hiện hữu và tiếp nhận, như là nó ban tặng cho tôi, đồng thời như là cái hiện hữu"(12); rằng, dĩ nhiên, tôi đặt những ban tặng của thế giới tự nhiên trong sự hoài nghi, không thừa nhận những "thông tin" mà tôi đã thu nhận, phân biệt điều "thực tại" và "ảo tưởng"...; nhưng, điều hoài nghi này chẳng làm thay đổi quan điểm phổ biến về thái độ tự nhiên(13). Bằng phương pháp hiện tượng học, với tư cách là chủ thể kinh nghiệm và cụ thể, tôi tiếp tục tham gia với quan điểm tự nhiên về thế giới "luận đề này còn có cái nghiệm sinh", nhưng tôi không dùng nó làm gì. Tôi thực hiện sự "hoãn xét", đặt ngoài sự hoạt động, ngoài chu vi, trong ngoặc, và bởi sự giản lược này thế giới xung quanh không tồn tại giản đơn nữa, mà là hiện tượng về hiện hữu(14).

* * *

Lý luận về sự giản lược mang lại cho ta thêm một cách nhìn về thế giới: thế giới này là ở đây, do cái nhìn và cách nghĩ của Tôi. Thế giới là một khuynh hướng của những ý nghĩ của Tôi về nó. Thế giới luôn thuộc về không gian, thời gian vô hạn. Thế giới có cả những con người, đồ vật là thế và cho tôi. Nhưng, thế giới này còn là thế giới của những giá trị, của những cái lý tưởng, của thực tế. Trong thế giới đó có tôi, tôi tìm tôi trong thế giới với tư cách trung tâm của

(10) Xem: Edmund Husserl. *Idées directrices pour une phénoménologie*. Gallimard, 1963, § 27, p. 87.

(11) Xem: *Ibid.*, pp. 88-89.

(12) Xem: *Ibid.*, p. 95.

(13) Xem: *Ibid.*, p. 95.

(14) Edmund Husserl. *Méditation cartésiennes*, L.P. J.Vrin, Paris, 1953, p. 16.

thế giới này; thế giới này luôn trở lại với tôi. Nó luôn bao quanh tôi, được xét trong mọi hành động nhìn, giải thích, phân biệt, viết, đánh giá, sửa chữa, giả định, quyết định, mong muốn, ưa thích, chán ghét, ước ao, mong đợi, lo sợ, hoan hỷ, trốn tránh, v.v. của tôi. Tất cả những hành động này được thông hiểu trong “tư duy”, “tôi nghĩ”.

Trong sự thông hiểu đó, ta có thế giới tự nhiên và thế giới của đánh giá, thế giới của khoa học (hay của mỗi ngành mà ta theo): những thế giới mà chúng ta muốn thấu đạt. Tất cả đều thuộc về thế giới tự nhiên. Nhưng, chúng ta không muốn lưu lại mãi trong cảnh sắc này, mà muốn thay đổi triệt để. Để thay đổi, Huxéc sử dụng sự hoài nghi của học thuyết Đêcátơ thử nghi ngờ cái gì đó mà ý thức như là dữ kiện. Theo ông, việc này không phải là từ bỏ quan điểm và niềm tin mà chúng ta đã tạo nên, mà là hành động, là đặt nó vào trong ngoặc.

Trong *Những nghiên cứu lôgic*, Huxéc cho rằng, mỗi hành vi đều xét đến mục đích của nó. Nhưng kể từ năm 1913 trở đi, ông quan niệm: tất cả cách thể hiện của ta đều tương quan với thế giới, cho nên muốn phản tỉnh, chúng ta phải làm một sự ngưng hãm, nói rõ hơn, là đặt vào trong ngoặc. Bởi từ phương pháp này, ta mới đi đến khám phá một lĩnh vực khoa học mới(15). Sự giản lược này không chối bỏ thế giới, mà nó đặt ngoài phạm vi cái thường lệ, phổ biến trong quá trình lĩnh hội thế giới. Quá trình này đã nhắm vào nền móng của khoa học, bởi vì, khoa học khủng hoảng không phải ở phạm vi kết quả của nó, mà là ở phạm vi nền tảng ý nghĩa của nó.

Theo Huxéc, hiện tượng học phải tôn vinh Đêcátơ là ông tổ. Đương nhiên, ngoài tư tưởng của ông, nó cũng chịu ảnh hưởng từ những tư tưởng khác, trong đó có tư tưởng của Cantơ. Thế nhưng, ảnh hưởng của Đêcátơ mới là quyết định. Điểm bắt đầu của Huxéc cũng chính là điểm bắt đầu của Đêcátơ: tôi tư duy. Nhưng, trong khi

nhà triết học Pháp này dùng hoài nghi có hệ thống để tìm căn cứ tuyệt đối cho nhận thức, thì Huxéc lại muốn đi đến một triết học không dựa trên cơ sở một giả thuyết nào, mà chỉ căn cứ vào chính “các sự kiện như chúng được cho trong kinh nghiệm và trực giác bản chất”. Ông chủ trương nắm bắt lại cái nghiệm sinh như là những “chứng cứ” của phán đoán. Như vậy, Huxéc đã dùng một phương pháp triệt để hơn cả phương pháp của Đêcátơ. Khi đưa ra đòi hỏi “chúng ta không được khẳng định về điều chính chúng ta không nhìn”, ông đã vượt quá thế giới của hiện tượng theo quan niệm của Cantơ về thế giới kinh nghiệm, thế giới mà ông gọi là thế giới tiên nghiệm.

Công lao của Huxéc, qua việc đề xuất phương pháp hiện tượng học, là “duy trì sự cần thiết ở lại trên bình diện cụ thể”. Với ông, cái nhìn của ta về sự vật là cái nhìn trực diện, nó chỉ cho ta thấy phía sự vật tương giao với ta thôi. Muốn hiểu rõ và cụ thể về sự vật, ta phải thay đổi cách nhìn; khi ấy, sự vật sẽ mang lại cho ta những sắc thái bất ngờ, mới mẻ. Do vậy, chủ đích của giản lược hiện tượng học là đạt tới cái thế giới đã thực sự được ý thức của chúng ta nhắm vào khi trải nghiệm và bản chất mà hiện tượng học đạt đến là bản chất cụ thể.

Giản lược được hiểu là “dẫn về”, “đưa về lại” và điều này nói lên sự khác nhau căn bản giữa Đêcátơ và Huxéc. Phương pháp “giản lược” của Đêcátơ được thực hiện bằng sự nghi ngờ; ngược lại, với Huxéc thì không có sự tự tách rời thế giới, mà nhờ quy hồi, thế giới lại xuất hiện như là những hiện tượng. Theo Huxéc, *reduktion* không giản lược thế giới thành “*cogito*”; trái lại, quy hồi “*cogito*” thành ra “*ego-cogito-cogitatum*”, làm sáng tỏ sự tương liên giữa ý thức và thế giới. Theo đó, có thể hiểu giản lược là dẫn chúng ta trở về lại nguồn gốc

(15) Xem: Hubert Hohl. *Introduction à la phénoménologie de Edmund Husserl*. Sài Gòn, 1967, pp. 61-62.

của ý nghĩa và sự hiện hữu của thế giới nghiệm sinh.

Việc phát hiện ra phương pháp giản lược của Huxéc gắn liền với đánh giá của ông về những khó khăn của lý luận nhận thức khi sa vào thái độ tự nhiên. Theo ông, muốn vượt qua nó phải dựa vào sự giản lược. Quan niệm như vậy sẽ đưa đến một kết luận: Thế giới là ở đó. Sự tồn tại vô hạn của nó buộc ta phải thừa nhận theo một ý nghĩa nào đó. Con người là một hiện hữu trong thế giới, nên ý thức phản tỉnh của nó về thế giới và bản thân nó gắn với dòng thời gian, khó có thể bao quát trọn vẹn tư duy của nó. Vì vậy, không được xem điều gì là tuyệt đối, hoàn mỹ, cho dù điều đó đã nói lên một cách đích đáng rồi.

Tuy nhiên, bên cạnh những giá trị thấu đạt được, phương pháp hiện tượng học của Huxéc cũng bộc lộ một số hạn chế nhất định. Mục đích của phương pháp hiện tượng học là nhằm xây dựng logic thuần túy của tri thức thuần túy, đạt đến “ý thức thuần túy” như mô tả của Huxéc. Điều này nói lên những nỗ lực của các nhà triết học đương thời mong muốn tìm kiếm một con đường mới, khắc phục những bế tắc trong nhận thức. Nhằm tới mục đích này, phương pháp hiện tượng học phải đạt đến những quy luật, phạm trù dưới dạng thuần túy. Huxéc muốn vượt lên trên lập trường của chủ nghĩa tự nhiên và chủ nghĩa duy lịch sử, thực hiện một chủ nghĩa hoài nghi. Để đi tới tận căn, triệt để, ông tìm cách phân tách “ý thức thuần túy” khỏi tồn tại khách quan và ý thức của chủ thể nhằm đạt tới “bản chất thuần túy” kiểu như chủ nghĩa duy tâm khách quan của Hêgen.

Trên cơ sở phân tích những vấn đề chủ yếu của phương pháp hiện tượng học, chúng ta thấy lập trường của Huxéc là lập trường của chủ nghĩa duy tâm chủ quan. Điều này, biểu hiện qua quan điểm của ông cho rằng, đối tượng, khách thể của nhận

thức không tồn tại khách quan, mà tồn tại trong ý thức chủ quan của con người; rằng, đối tượng này được hình thành trong mối tương liên giữa ý thức với cái mà tôi ý thức. Như vậy, tiêu chuẩn của chân lý lại phụ thuộc vào ý nghĩa mà chủ thể ban bố cho khách thể.

Với việc sáng lập ra phương pháp hiện tượng học, Huxéc đã đưa hiện tượng học trở thành một học thuyết, một trào lưu triết học có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hầu hết các triết thuyết phương Tây hiện đại. Vì tầm quan trọng của việc sáng tạo phương pháp đặc thù này cũng như những chủ đề khác, các trước tác và tư tưởng của Huxéc được giới triết học phương Tây coi là nguồn suối cổ điển của triết học mai sau. Phương pháp hiện tượng học nhằm phân tích bản chất của các dữ kiện, tức hiện tượng, đã trở thành phương pháp quảng bá của phân tích triết học, song song với phương pháp toán học. Ảnh hưởng của phương pháp hiện tượng học và cùng với nó là logic toán, là sự kiện hiện tượng học hoàn toàn loại bỏ diễn dịch, ít bận tâm đến ngôn ngữ, không phân tích cái thường nghiệm, mà là khám phá ra ý nghĩa trong nhận thức. Nghĩa là nó đi vào một lĩnh vực quan trọng nhất, khó khăn nhất của triết học - lĩnh vực nhận thức.

Chúng ta không cần bình luận về việc phương pháp hiện tượng học do Huxéc sáng lập cùng với hàng loạt những vấn đề mà ông để lại có được thế hệ sau tìm hiểu, phát triển hay không, bởi bản thân Huxéc đã không ngừng tự phủ định mình, nhiều lần từ bỏ những quan điểm cũ để “bắt đầu lại” và luôn tự nhận mình là “kẻ sơ học”, “người thăm dò” triết học. Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, những vấn đề mà ông phát hiện trên con đường tìm tòi khoa học là những vấn đề đáng để chúng ta suy ngẫm. □